TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2017/HSST
Ngày 28 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ - TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Giang
2. Bà Trần Thị Bích Liên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Giang,Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:Ông Vũ Đại Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 91/2017/HSST, ngày 27 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Anh K**, sinh năm 1984

Nơi ĐKHKTT: Xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1962, con bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1960. Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba. Có vợ là Lăng Thị T, sinh năm 1994, có 03 con chung, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017;Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/03/2004 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".Tháng 3 năm 2003 bị UBND xã HT xử phạt hành chính về hành vi "trộm cắp tài sản"; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, lưu giam Công an huyện Đồng Hỷ.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1996

Nơi ĐKHKTT: Xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn

giáo: Không; Con ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1962, con bà: Lâm Thị Q, sinh năm 1960. Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba.Vợ, con chưa có; Tiền án: Ngày 04/9/2014 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xử phạt 12 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", ngày 29/02/2016 Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày16/6/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, lưu giam Công an huyện Đồng Hỷ.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lý Văn T**, sinh năm 1990

Nơi ĐKHKTT: Xóm TĐ1, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông Lý Văn Ấ, sinh năm 1962, con bà: Lâm Thị T, sinh năm 1960. Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1998, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/12/2013 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xử phạt 04 tháng tù giam về tội "Đánh bạc" tại bản án số 96/2013/HSST ngày 12/12/2013; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày16/6/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, lưu giam Công an huyện Đồng Hỷ.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lương Sỹ T**, sinh năm 1985

Tên gọi khác: Lương Quốc T

Nơi ĐKHKTT: Xóm SC, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lương Văn L, đã chết, con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945. Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ năm. Có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1990, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012;Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày19/6/2017 đến ngày 20/7/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương

Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Đinh Quốc K**, sinh năm 1984

Nơi ĐKHKTT: Xóm ST, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Mạnh K, sinh năm 1956, con bà: Lê Thị T, sinh năm 1956. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (đã ly hôn), có 02 con chung, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm

2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: 1. Anh Trần Văn P, sinh năm 1998

Trú tại: Xóm VH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1936

Trú tại: Xóm VH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 10, đường CMT8, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Xuân K - chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thanh T - chức vụ: Phó phòng khách hàng. (Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

Chị Trần Thị Q, sinh năm 1999

Trú tại: Xóm VH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Ngọc H, Lý Văn T, Lương Văn T và Đinh Quốc K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2017, Trần Văn P (sinh năm 1998, trú quán xóm VH, xã VH, huyện ĐH) gặp Lý Văn T để thỏa thuận về việc sẽ trả nợ thay cho anh trai của P số tiền là 65.000.000đồng, nhưng sau khi thỏa thuận xong thì P không trả nợ cho Lý Văn T nên Lý Văn T đã nhiều lần tìm P nhưng không gặp, nên ngày 02/6/2017 Lý Văn T đã nói với Nguyễn Anh K và nhờ K tìm P để đòi hộ, khi đòi được thì sẽ chia đôi số tiền đòi được thì K đồng ý.

Ngày 10/6/2017, K gặp Đinh Quốc K (làm nghề lái xe taxi) ở cổng bệnh viện Đa khoa ĐH, K nhờ Đinh Quốc K nếu gặp P thì sẽ báo cho K biết để đòi nợ thì Đinh Quốc K nói thường xuyên chở P sang khu vực thành phố TN, khi thấy P ở đâu thì sẽ báo cho K biết.

Khoảng 17 giờ ngày 12/6/2017, Đinh Quốc K thông báo cho K biết Đinh Quốc K đang đi đón P từ khu vực HNC về, vì thế K đã gọi điện cho Lương Sỹ T

(sinh năm 1985, trú quán xóm SC, xã HT, huyện ĐH) để đưa K đi thì ít phút sau, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI i10, biển kiểm soát 20A – 201.09 đến nhà K, trên đường đi K bảo T đi đến nhà nghỉ VP ở tổ 05 thị trấn CH, huyện ĐH (nay là phường CH, thành phố TN) để đón Nguyễn Ngọc H và Lý Văn T. Khi đến nơi, K và T vào phòng nghỉ của T rồi K nói cho H và T biết việc P đang có mặt tại khu vực HNC và bảo H và T cùng đi tìm P bắt P về để khống chế yêu cầu người nhà của P mang tiền ra trả nợ số tiền P vay của T thì hai người đồng ý. Để tránh bị P phát hiện trên đường đi thì K điều khiển xe của T và nhờ T liên tục liên lạc với Đinh Quốc K để hỏi vị trí của P, nhưng do hai xe di chuyển liên tục nên Đinh Quốc K bảo với T cứ đứng chờ ở lề đường theo hướng HNC ra thành phố TN, xe do Đinh Quốc K điều khiển chở T sẽ đi qua.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, qua thông tin doĐinh Quốc K cung cấp thì K và T, H nhìn thấy xe ô tô do Đinh Quốc K điều khiển đi qua nhưng Đinh Quốc K không dừng lại, liền lúc đó, K điều khiển xe đuổi theo khoảng 01km thì vượt lên, ép xe ô tô do Đinh Quốc K điều khiển rồi cùng với H ra khỏi xe, hai người đứng hai bên cửa phía sau xe của Đinh Quốc K mở cửa phía sau ngồi hai bên trái, phải của P, còn Lý Văn T và Lương Sỹ T thì đi trước. Khi ngồi vào trong xe, K liên tục dùng tay tát vào mặt, vào đầu P, vừa tát vừa chửi, thấy K tát thì H cũng đánh theo, sau đó K bảo Đinh Quốc K điều khiển xe đi về hướng thị trấn CH, trên đường đi, K bắt P bỏ hết đồ dùng cá nhân như ví tiền, lắc tay bằng bạc, đồng hồ, điện thoại ra rồi K lấy ví của P đếm thấy có số tiền là 1.600.000đ rồi bỏ tất cả lên hộp đựng đồ cạnh ghế lái xe. K bảo Đinh Quốc K lái xe đến khu dân cư HT thuộc xóm TT, xã HT rồi gọi điện cho Lương Sỹ T đến để đưa P đi, Khi Lương Sỹ T đến, H và Lý Văn T kéo P ra khỏi xe, sang xe của Lương Sỹ T còn K thì lấy số tiền của P và rút ra 500.000đ đưa cho Đinh Quốc K rồi lên xe của Lương Sỹ T đi về nhà nghỉ VP, khi đến nơi K xuống xe đi vào thanh toán tiền nhà nghỉ và dặn Lương Sỹ T cứ điều khiển xe chở P và H, Lý Văn T đi lòng vòng, khi K gọi thì sẽ quay lại đón, ít phút sau, K gọi điện bảo Lương Sỹ T liên lạc với Đinh Quốc K để lấy 01 chiếc điện thoại của P để trên xe Đinh Quốc K và bảo Lương Sỹ T lấy 100.000đ để mua 01 sim điện thoại làm phương tiện cho P liên lạc về nhà. Khi mua xong thì Lương Sỹ T đưa cho Lý văn T để Lý Văn T lắp sim vào điện thoại của P yêu cầu P bảo người nhà mang tiền ra trả nợ cho K rồi quay lại đón K. Khi lắp sim xong, Lý Văn T bắt P gọi về cho em gái là Trần Thị Q để chuyển máy điện thoại nói chuyện với bố đẻ là ông Trần Văn T (sinh năm 1963, trú quán xóm VH, xã VH, huyện ĐH) mang số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) ra trả cho Lý Văn T thì T sẽ được thả về, sau đó bắt P tắt máy điện thoại rồi đến đón Nguyễn Anh K ở nhà nghỉ Vạn Phúc.

Khi lên xe Nguyễn Anh K bảo Lương Sỹ T lái xe đi đến nhà nghỉ 203 thuộc tổ 14 thị trấn CH, huyện ĐH. Nguyễn Anh K thuê phòng 305 rồi cùng H và Lý Văn T đưa P vào rồi chốt bên trong không cho P ra ngoài.

Đến sáng ngày 13/6/2017, Lý Văn T tiếp tục bắt P gọi điện vào số máy 01637505169 của Q để bảo người nhà mang tiền ra để trả nợ nhưng không thấy, đến khoảng 09h thì chủ nhà nghỉ 203 không đồng ý cho nhóm Nguyễn Anh K thuê phòng nữa nên Nguyễn Anh K gọi hãng taxi ĐQ đến đón lên nhà nghỉ CM thuộc xóm NL, xã HT, huyện ĐH. Tại đây, nhóm của Nguyễn Anh K tiếp tục nhốt và buộc P gọi điện cho gia đình mang tiền ra để trả nợ nhưng gia đình P không có đủ số tiền Nguyễn Anh K yêu cầu. Đến khoảng 20 giờ ngày 14/6/2017 sau khi ông T liên lạc với Nguyễn Anh K thì Nguyễn Anh K bảo Lý Văn T đến nhà ông T để lấy tiền chuộc rồi bảo Đinh Quốc K đến đón Lý Văn T đưa vào nhà ông T. Tại nhà ông T, Lý Văn T đòi tiền chuộc thì ông T bảo chỉ có 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), Lý Văn T gọi điện báo cho Nguyễn Anh K biết thì Nguyễn Anh K đồng ý, ngay sau đó, Nguyễn Anh K gọi cho Lương Sỹ T để Lương Sỹ T đến đón Nguyễn Anh K, H và P xuống khu vực thị trấn CH để chờ ông T mang tiền ra. Đến khoảng 23 giờ thì ông T đi cùng Lý Văn T mang số tiền 18.500.000đ ra đến tổ 17, thị trấn CH thì Nguyễn Anh K đưa ông T vào quán ăn đêm HH. Tại đây ông T đã đưa cho Nguyễn Anh K 18.500.000đ, nhận tiền xong, Nguyễn Anh K, Lý Văn T và H được Lương Sỹ T đưa về nhà nghỉ 203 còn P và ông T đi về nhà.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, ngày 15/6/2017, ông T làm đơn trình báo cơ quan chức năng đề nghị giải quyết. Đến ngày 20/6/2017, Nguyễn Anh K đến Công an huyện Đồng Hỷ đầu thú.

Quá trình điều tra, Lương Sỹ T đã tự giác giao nộp 01 xe ô tô BKS 20A – 201.09, 01 điện thoại NOKIA vỏ màu vàng cùng số tiền 3.000.000đồng, Đinh Quốc K giao nộp 01 điện thoại NOKIA vỏ màu xanh, 01 đồng hồ đeo tay mặt trước có chữ SUNRISE và số tiền 500.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Đối với số tiền 18.500.000đ các bị cáo chiếm đoạt được của ông T thì Nguyễn Anh K đã sử dụng, chi tiêu hết, quá trình điều tra ông T không đề nghị các bị cáo phải bồi thường mà số tiền đó ông trả nợ thay cho con trai ông là Trần Văn P.

Đối với người bị hại Trần Văn P, sau khi sự việc xảy ra đã đi khỏi địa phương, đến nay không xác định được ở đâu.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300 vỏ màu vàng, bên trong lắp 01 sim mạng di động Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu xanh đen bên trong lắp 01 sim mạng di động Viettel, 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SUNRISE, 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai BKS 20A – 201.09 màu sơn Bạc và 3.500.000đ hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 96/KSĐT-TA ngày 27 tháng 11 năm 2017của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh K về tội "Cướp tài sản" và tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 134 BLHS; bị cáo Lý Văn T, Lương Sỹ T (Lương Quốc T) về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS, bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, bị cáo Đinh Quốc K về tội "Không tố giác tội phạm" quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo xác định việc truy tố là đúng.

Người bị hại ông T khai: Ngày 12, 13/6/2017 ông đang ở nhà thì có con gái ông là chị Trần Thị Q nói là P gọi điện bảo P đang bị bắt giữ ông phải mang 100 triệu ra trả thì P mới được thả về. P gọi điện nhiều lần ông đã vay mượn được số tiền 18.500.000 đồng và có hai người đi xe taxi vào đón ông ra thị trấn CH và ông giao tiền cho Nguyễn Anh K và viết giấy nợ sau đó ông và P đi về. Ông khai trong quá trình P bị bắt giữ thì các bị cáo đánh đập con ông rất nhiều, con ông không nợ nần gì các bị cáo mà là các bị cáo đòi nợ thuê. Trong quá trình điều tra ông không đề nghị các bị cáo phải trả ông số tiền 18.500.000 đồng, nhưng tại phiên tòa ông đề nghị các bị cáo phải trả ông số tiền do các bị cáo đã chiếm đoạt của ông, ông không biết việc P có vay nợ không.

Anh Dương Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện LV Chi nhánh Thái Nguyên trình bày: Ngân hàng có ký hợp đồng với khách hàng là anh Lương Sỹ T và chị Trần Thị T vay số tiền 300 triệu đồng, với thời hạn trả nợ 3 năm, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô Huyndai i10 BKS 20A- 201.09. Hiện nay hợp đồng đã thực hiện được 1 năm anh Lương Sỹ T, chị T trả lãi và gốc đầy đủ, không có vi phạm gì. Anh đề nghị Tòa án xem xét giao lại chiếc xe trên cho ngân hàng để phối hợp trả lại cho chủ sở hữu vì đây là tài sản thế chấp của ngân hàng.

Trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh K phạm tội "Cướp tài sản" và "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; bị cáo Lý Văn T, Lương Sỹ T (Lương Quốc T) phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản " theo tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản " theo điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật hành chính, bị cáo Đinh Quốc K phạm tội " Không tố giác tội phạm" theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật hành chính.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 134, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K từ 36-42 tháng tù về tội "Cướp tài sản", từ 24-30 tháng tù về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 5-6 năm tù.

- Khoản 1 Điều 134, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn T từ 36-42 tháng tù.

- Điểm c khoản 2 Điều 134, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 6-7 năm tù.

- Khoản 1 Điều 134, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Sỹ T từ 24-30 tháng tù cho hưởng án treo.

- Khoản 1 Điều 314, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Quốc K từ 9-12 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300 vỏ màu vàng, bên trong lắp 01 sim mạng di động Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu xanh đen bên trong lắp 01 sim mạng di động Viettel của bị cáo Đinh Quốc K.

- Trả cho anh Trần Văn P 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SUNRISE.

- Trả lại bị cáo Lương Sỹ T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai BKS 20A – 201.09 màu sơn Bạc.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh K trả lại số tiền đã chiếm đoạt của anh Trần Văn P số tiền 1.600.000 đồng, được trừ đi số tiền 500.000 đồng bị cáo Đinh Quốc K đã nộp, bị cáo còn phải trả cho anh Trần Văn P số tiền 1.100.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh K trả lại số tiền đã chiếm đoạt của ông Trần Văn T số tiền 18.500.000 đồng, được trừ đi số tiền 3.000.000 đồng bị cáo Lương Sỹ T đã nộp, bị cáo còn phải trả cho ông Trần Văn T số tiền 15.500.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, thừa nhận việc truy tố xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cở sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là tự nguyện, khách quan, thống nhất, phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, Biên bản người phạm tội ra đầu thú, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập trong quá trình điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng tháng 4 năm 2017 Trần Văn P có vay của Lý Văn T số tiền 65.000.000đ. Đến hẹn P không trả, nên trong thời gian từ ngày 12/6/2017 đến ngày 14/6/2017 Lý Văn T cùng Nguyễn Anh K, Nguyễn Ngọc H, Lương Sỹ T đã bắt anh P đưa về nhà nghỉ 203 thuộc tổ 14, TT. CH (nay là phường CH, thành phố TN) và nhà nghỉ CM thuộc xóm NL, xã HT, huyện ĐH bắt P gọi điện thoại về cho gia đình để mang tiền đến trả thì nhóm của Nguyễn Anh K mới thả cho P về. Sau nhiều lần các bị cáo bắt P gọi điện về cho gia đình thì ông Trần Văn T (bố P) đã mang số tiền 18.500.000đ đến trả cho nhóm của Nguyễn Anh K, Nguyễn Anh K nhận tiền từ ông T và thả cho P về.

Trong quá trình bắt P về trên xe ô tô BKS 20A-201.09 do Đinh Quốc K điều khiển, Nguyễn Anh K đã chửi và dùng tay tát vào mặt Phức vài cái và đã lấy đi của P 1.600.000đ, đồng hồ, điện thoại, lắc bạc. Khi Đinh Quốc K lái xe biết và chứng kiến toàn bộ sự việc Nguyễn Anh K dùng vũ lực để cướp tài sản của P, nhưng Đinh Quốc K đã không tố giác hành vi cướp tài sản của Nguyễn Anh K.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Anh K đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" và "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Lý Văn T, Lương Sỹ T (Lương Quốc T) đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự,

hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo Đinh Quốc K đã đủ yếu tố cấu thành tội " Không tố giác tội phạm" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung các điều luật như sau:

Điều 133 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào dùng vũ lực…. làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm."

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm:

a) ...

c) Tái phạm nguy hiểm;

Điều 314 Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào biết rõ một trong các tội phạm được quy định tại Điều 313 của Bộ luật này ...đã được thực hiện mà không tố giác, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra theo điều luật nêu trên.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản, xâm phạm vào tính mạng, sức khỏe của công dân, xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do dân chủ của công dân. Vì vậy việc đưa ra xét xử đối với các bị cáo là cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy:

- *Đối với tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*: Bị cáo Nguyễn Anh K là người khởi xướng việc đi bắt anh Phức. Bị cáo Nguyễn Ngọc H và Lý Văn Lý Văn T là người giúp sức một cách tích cực, bị cáo Lương Sỹ T đồng phạm với các bị cáo với vai trò là người giúp sức.

- Đối với tội cướp tài sản: Bị cáo Nguyễn Anh K là người thực hiện, bị cáo đã đánh, tát làm cho anh P sợ hãi, không dám kháng cự và bị Nguyễn Anh K bắt anh P bỏ hết tiền và tài sản ra. Trên đường đi bị cáo H có dùng tay tát vào mặt và có chửi

anh P tuy nhiên hành vi của bị cáo H là mục đích để bắt anh P để trả tiền chứ không có mục đích cướp tài sản của anh P.

- Đối với tội không tố giác tội phạm: Bị cáo Đinh Quốc K biết bị cáo Nguyễn Anh K có hành vi đánh, chửi anh P và cướp tài sản của anh P, biết các bị cáo bắt P về để đòi tiền, Đinh Quốc K không tham gia vào việc cướp tài sản và cũng không tham gia cùng các bị cáo trong việc bắt anh P, nhưng bị cáo Đinh Quốc K đã không báo cơ quan có thẩm quyền nên Đinh Quốc K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo Nguyễn Anh K và Lý Văn T được xác định là chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu, bị cáo Hải đã có 2 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo Lương Sỹ T và Đinh Quốc K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đều có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải,do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đinh Quốc K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó bị cáo Đinh Quốc K được hưởng tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Lương Sỹ T, Đinh Quốc K đã tự nguyện nộp lại số tiền do phạm tội mà có nên bị cáo Lương Sỹ T, Đinh Quốc K được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lương Sỹ T có bố, mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, do đó bị cáo Lương Sỹ T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, các bị cáo đều là người dân lao động, do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Cần xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K từ 36 đến 38 tháng tù về tội "Cướp tài sản", từ 30 đến 32 tháng tù về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 66 đến 70 tháng tù; cần xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 72 đến 75 tháng tù; cần xử phạt bị cáo Lý Văn Lý Văn T từ 30 đến 32 tháng tù. Cần cách ly các bị cáo Nguyễn Anh K, H và Lý Văn T ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Đối với bị cáo Lương Sỹ T, tham gia vụ án với vai trò giúp sức, bị cáo Đinh Quốc K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần cách ly hai bị cáo Lương Sỹ T và Đinh Quốc K khỏi xã hội, mà có thể áp dụng Điều 60 BLHS, Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Lương Sỹ T từ 30 đến 32 tháng tù, cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Đinh Quốc K từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án, cho bị cáo Lương Sỹ T, Đinh Quốc K cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Bị cáo Nguyễn Anh K phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều42 BLHS, Điều 76 BLTTHS

- Đối với số tiền 3.500.000 đồng, trong đó bị cáo Lương Sỹ T nộp 3.000.000 đồng, bị cáo Đinh Quốc K nộp 500.000 đồng, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nhưng các bị cáo đã giao nộp lại, về nguyên tắc số tiền này tịch thu sung quỹ nhà nước, nhưng xét thấy đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt được của người bị hại, các bị cáo đã tự giác giao nộp lại, để đảm bảo quyền lợi cho những người bị hại và theo hướng có lợi các bị cáo nên số tiền này trả người bị hại quản lý sử dụng và được trừ đi số tiền phải bồi thường của các bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300 vỏ màu vàng, bên trong lắp 01 sim mạng di động Viettel do bị cáo Lương Sỹ T nộp cho cơ quan điều tra, xét thấy đây là chiếc điện thoại bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu xanh đen bên trong lắp 01 sim mạng di động Viettel, do bị cáo Đinh Quốc K giao nộp cho cơ quan điều tra. Xét thấy chiếc điện thoại này Đinh Quốc K không dùng vào việc phạm tội, nhưng Đinh Quốc K dùng để liên lạc với Nguyễn Anh K và Lương Sỹ T và chính từ thông tin qua Đinh Quốc K thì các bị cáo mới thực hiện được hành vi

phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại này của bị cáo Đinh Quốc K.

- Đối với 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SUNRISE do Đinh Quốc K giao nộp cho cơ quan điều tra, đây là chiếc đồng hồ của anh Phức, xét đây là tài sản của anh P nên cần trả lại cho anh P quản lý, sử dụng.

- Đối với chiếc xe 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai BKS 20A – 201.09 màu sơn Bạc đăng ký mang tên bị cáo Lương Sỹ T, trong vụ án này bị cáo Lương Sỹ T đã dùng chiếc xe này để chở anh P từ nhà nghỉ VP, sang nhà nghỉ CM và chở các bị cáo đi bắt anh P, tuy nhiên xét thấy chiếc xe này bị cáo Lương Sỹ T mua từ tháng 12 năm 2016 với mục đích để chạy taxi, lấy tiền sinh sống hàng ngày, không phải mục đích mua xe để dùng vào việc phạm tội. Mặt khác để có tiền mua chiếc xe này bị cáo Lương Sỹ T cùng vợ là chị T đã làm hợp đồng vay ngân hàng TMCP bưu điện LV và thế chấp chiếc xe nêu trên, bị cáo có đơn xin lại chiếc xe trên để làm phương tiện kiếm sống nuôi gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nên trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng.

Đối với đề nghị của đại diện ngân hàng TMCP bưu điện LV ông Dương Thanh T đề nghị Tòa án trả chiếc xe trên cho ngân hàng, vì chiếc xe trên là tài sản thế chấp, thuộc quyền quản lý của ngân hàng. Tuy nhiên, xét thấy chiếc xe trên mặc dù là tài sản bị cáo Lương Sỹ T và vợ là chị T đã thế chấp cho ngân hàng để vay khoản tiền 280 triệu đồng, nhưng đây là giao dịch dân sự, hợp đồng đến tháng 12 năm 2019 mới hết hạn. bị cáo Lương Sỹ T không vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng; số tiền bị cáo vay ngân hàng là 280 triệu đồng, chiếc xe trên bị cáo mua trị giá 375 triệu đồng, nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của ngân hàng. Để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng, nếu hết thời hạn hợp đồng bị cáo Lương Sỹ T và chị T không thực hiện đúng hợp đồng, thì ngân hàng có quyền khởi kiện bị cáo Lương Sỹ T và chị T bằng vụ án dân sự khác.

Số vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại kho của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

Đối với số tiền 18.500.000 đồng các bị cáo chiếm đoạt được của ông T, tại phiên tòa hôm nay ông T đề nghị các bị cáo phải trả lại cho ông số tiền này. Xét thấy yêu cầu của ông là có căn cứ nên cần buộc các bị cáo phải trả ông T. Số tiền này bị cáo Nguyễn Anh K là người nhận trực tiếp từ ông T và là người chi dùng hết số tiền trên. Mặt khác tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Anh K đã thống nhất một mình bị cáo có trách nhiệm trả ông T số tiền này, nên cần buộc bị cáo Nguyễn Anh K trả ông Thảo số tiền đã chiếm đoạt là 18.500.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền

3.000.000 đồng bị cáo Lương Sỹ T đã tự giác giao nộp lại cho cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Anh K còn phải trả ông T số tiền 15.500.000 đồng.

Đối với số tiền 1.600.000 đồng bị cáo Nguyễn Anh K chiếm đoạt được của anh P, tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt, nhưng xét thấy đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh P nên cần buộc bị cáo Nguyễn Anh K trả anh Phức số tiền đã chiếm đoạt là 1.600.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền 500.000 đồng bị cáo Đinh Quốc K đã tự giác giao nộp lại cho cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Anh K còn phát trả anh P số tiền 1.100.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước, theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp, cần chấp nhận.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh K phạm tội "Cướp tài sản" và "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo Lý Văn T, Lương Sỹ T (Lương Quốc T) phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản "; bị cáo Đinh Quốc K phạm tội " Không tố giác tội phạm".

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 134, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản", 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 66 (sáu mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2017.

- Khoản 1 Điều 134, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2017.

- Điểm c khoản 2 Điều 134, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 72 (bẩy mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2017.

- Khoản 1 Điều 134, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lương Sỹ T (Lương Quốc

T) 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Khoản 1 Điều 314, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Quốc K 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lương Sỹ T (Lương Quốc T) và Đinh Quốc K cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6300 vỏ làm bằng kim loại màu vàng, số Imel: 355714025070803, bên trong lắp 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 0981399128, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, vỏ màu xanh đen số Imel 354577/05/614973/4, bên trong lắp 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 0969409473, đã qua sử dụng.

- Trả cho anh Trần Văn P 01 chiếc đồng hồ đeo tay mặt trước có ghi chữ SUNRISE, mặt sau ghi chữ SUNRISE – CM778SWA, đã qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo Lương Sỹ T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại xe i10, BKS 20A – 201.09 màu sơn Bạc, SK: MALA751AAHM545741, SM: G3LAGM201832, đã qua sử dụng.

(Số vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho của chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/12/2017).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 585, 589, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh K trả anh Trần Văn P số tiền 1.600.000 đồng, được trừ đi số tiền 500.000 đồng (bị cáo Đinh Quốc K đã nộp), bị cáo còn phải trả anh Trần Văn P số tiền 1.100.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh K trả ông Trần Văn T số tiền 18.500.000 đồng, được trừ đi số tiền 3.000.000 đồng (bị cáo Lương Sỹ T đã nộp), bị cáo còn phải trả ông Trần Văn T số tiền 15.500.000 đồng.

(Số tiền trên đang được bảo quản tại tài khoản của chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, theo ủy nhiệm chi số 23 ngày 15/12/2017).

Trường hợp bị cáo Nguyễn Anh K chậm trả tiền thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo Nguyễn Anh K, Nguyễn Ngọc H, Lương Sỹ T, Lý Văn T và Đinh Quốc K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Anh K phải nộp 830.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bị hại ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Vắng mặt người bị hại anh Phức báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Thuận

(Đã ký)

***Nơi nhận*:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- T.H.A DS huyện Đồng Hỷ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.